

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-3-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hoàng;

2. Ông Nguyễn Thành Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 542/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022; về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bé D, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà D yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Võ Thị Bé D trình bày:

Bà Võ Thị Bé D và ông Nguyễn Tấn P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 123 quyền 01 ngày 03/10/2003. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà D và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 13/4/2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Ánh N, sinh ngày 17/12/2007. Con chung Nguyễn Thị Trúc L hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Nguyễn Hoàng Ánh N sống chung với ông P từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Khi ly hôn bà D yêu cầu ông P tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Ánh N, bà D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Tấn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo phiên tòa nhưng ông P không có mặt bất kỳ buổi làm việc nào, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Bà D và ông P có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Bà D yêu cầu ly hôn với ông P, ông P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt, không có ý kiến và không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm. Xét thấy giữa bà D và ông P đã ly thân từ năm 2019 và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

Về con chung: Bà D và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Hoàng Ánh N, sinh ngày 17/12/2007. Con chung Nguyễn Thị Trúc L hiện nay đã trưởng thành và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Hoàng Ánh N, bà D yêu cầu ông P tiếp tục nuôi dưỡng, ông P không có ý kiến phản đối. Cháu Nguyễn Hoàng Ánh N sống chung với cha từ khi cha mẹ ly thân đến nay, nguyện vọng của cháu là sống với cha nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cần giao con chung Nguyễn Hoàng Ánh N cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không yêu cầu cấp dưỡng nên bà D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Bé D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn P. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

[2] Bà Võ Thị Bé D có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Tấn P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà D và ông P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị Bé D thấy rằng: Bà Võ Thị Bé D và ông Nguyễn Tấn P xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà D và ông P xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2001. Trong quá trình sống chung hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã và đã ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại, bà D xác định không còn tình cảm với ông P nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P. Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không có phương án hàn gắn tình cảm. Xét thấy, giữa hai người đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Võ Thị Bé D được ly hôn với ông Nguyễn Tấn P.

[4] Về con chung: Bà D và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Hoàng Ánh N, sinh ngày 17/12/2007. Con chung Nguyễn Thị Trúc L hiện nay đã trưởng thành và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Hoàng Ánh N sống chung với ông P từ khi ông P và bà D ly thân và cháu có nguyện vọng được sống với cha nên cha mẹ ly hôn. Bà D yêu cầu ông P tiếp tục nuôi dưỡng con chung và ông P không có ý kiến phản đối. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Nguyễn Hoàng Ánh N cho ông P được quyền nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Tấn P không yêu cầu Tòa án cấp dưỡng nuôi con chung nên bà D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Võ Thị Bé D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé D đối với ông Nguyễn Tấn P.

1. Về hôn nhân: Cho bà Võ Thị Bé D được ly hôn với ông Nguyễn Tấn P.

2. Về con chung: Bà D và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Hoàng Ánh N, sinh ngày 17/12/2007. Con chung Nguyễn Thị Trúc L hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Tấn P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Ánh N. Bà Võ Thị Bé D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Bé D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012299 ngày 03-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An. Bà Võ Thị Bé D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- UBND xã Thạnh Đức (GCNKH số 123 ngày 03/10/2003);
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Miên

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà